CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0314445458
Reason: I am the author of this document
Location:
Foxit PDF Reader Version: 12.0.1

CTCP BCG ENERGY

BCG ENERGY JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/*No.*:28 **/2026/CBTT-BGE**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026
Ho Chi Minh City, October 30 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi/*To*: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP BCG ENERGY thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Riêng lẻ và Hợp nhất Quý 3 năm 2026 như sau:

Pursuant to the provisions of Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, BCG Energy Joint Stock Company shall disclose its Consolidated and Separate financial statements for the third quarter of the year 2026 as follows:

1. Tên tổ chức/ *Organization name*: Công ty Cổ phần BCG Energy

- Mã chứng khoán/ *Stock ticker*: BGE
- Địa chỉ/ *Address*: LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/*Tel:* (028) 62 680 680 Fax: (028) 6299 1188
- Email: ir-bcgenergy@bamboocap.com.vn Website: https://bcgenergy.com.vn/

2. Nội dung thông tin công bố/ *Disclosure of information*

- Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất Quý 3 năm 2026/ *Consolidated and Separate financial statements for the third quarter of the year 2026.*
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Cases that require explanation:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC/ *The audit organization has issued an opinion that is not an unqualified opinion regarding the financial statements*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable)*:

☐ Có/ *Yes* ☐ Không/ *No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán)/ *Profit after tax in the reporting period shows a variance of 5% or more before and after the audit or shifts between profit and loss (for audited financial statements)*:

☐ Có /*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable)*:

☐ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *After-tax corporate income profit in the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year:*

☑ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☑ Có /*Yes* ☐ Không/*No*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *After-tax profit in the reporting period shows a loss, shifting from profit in the same period last year to a loss this period, or vice versa:*

☑ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/*Explanation document (if applicable)*:

☑ Có/*Yes* ☐ Không/*No*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30./10/2026 tại đường dẫn: https://bcgenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2026

This information was published on the company's website on:30./10/2026 at the link: https://bcgenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2026

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/
Attached documents:
-BCTC riêng lẻ và Hợp nhất Quý 3 năm 2026/ *Financial statements (separate and consolidated) for Q3 2026*
- Văn bản giải trình biến động kết quả SXKD Quý 3 năm 2026/*Explanatory document on fluctuations in business results for Q3/2026*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
NGƯỜI UQCBTT
INFORMATION DISCLOSURE REPRESENTATIVE
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
DEPUTY GENERAL DIRECTOR

M.S.D.N: 0314445458 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ III KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ III KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2026

NỘI DUNG **TRANG**

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Mẫu số B 01a – DN/HN)	1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02a – DN/HN)	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03a – DN/HN)	5
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09a – DN/HN)	7

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 0314445458 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 20 ngày 8 tháng 5 năm 2026.

Hội đồng Quản trị

Ông Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Văn Hoá	Thành viên
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Quốc	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng ban
(*) Ông Nguyễn Viết Cương	Phó ban
Ông Hoàng Quốc Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/4/2026
Ông Tan Bo Quan, Andy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/4/2026
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/5/2026
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/4/2026
Bà Phạm Thị Mai Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/3/2026
Ông Đặng Đình Quyết	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Chí Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7/5/2026
Ông Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1/8/2026
Ông Lưu Khánh Trường	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 15/9/2026
Bà Trần Thị Thủy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/9/2026

Người đại diện theo pháp luật

Ông Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Tan Bo Quan, Andy	Tổng Giám đốc

(*) Đã nộp đơn từ nhiệm chức vụ ngày 09/1/2026 và đang chờ Đại hội đồng cổ đông thông qua

Trụ sở chính

LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng,Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với Báo cáo Tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty và các công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty và các công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và các công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 1 đến trang 67. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tan Bo Quan, Andy
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 30 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 01a – DN/HN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2026 VND	Tại ngày 31.12.2025 Trình bày lại VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**9.093.831.702.430**	**7.749.257.863.835**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**144.819.525.557**	**76.797.478.620**
111	Tiền		123.319.525.557	72.797.478.620
112	Các khoản tương đương tiền		21.500.000.000	4.000.000.000
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**6a**	**5.855.306.112.571**	**5.079.233.693.068**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		4.031.181.237.205	4.909.005.177.043
124	Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		(464.571.979.701)	(463.454.483.975)
125	Đầu tư ngắn hạn khác		2.288.696.855.067	633.683.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**3.035.533.994.053**	**2.541.871.511.096**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.084.232.377.909	643.995.426.719
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.084.648.937.677	1.057.657.429.794
135	Phải thu ngắn hạn khác	7	881.846.689.853	855.420.216.765
136	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(15.201.562.182)	(15.201.562.182)
137	Tài sản thiếu chờ xử lý		7.550.796	-
140	**Hàng tồn kho**		**7.372.754.334**	**3.286.467.739**
141	Hàng tồn kho	8	7.372.754.334	3.286.467.739
160	**Tài sản ngắn hạn khác**		**50.799.315.915**	**48.068.713.312**
161	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	11(a)	11.852.693.974	9.478.326.943
162	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14(b)	37.699.883.772	37.343.648.200
163	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14(c)	1.246.738.169	1.246.738.169

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2026 VND	Tại ngày 31.12.2025 Trình bày lại VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**10.054.436.500.534**	**10.220.632.020.765**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**11.942.162.358**	**23.591.602.194**
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	4	-	11.630.952.744
215	Phải thu dài hạn khác	7	11.942.162.358	11.960.649.450
220	**Tài sản cố định**		**8.399.816.763.964**	**8.309.133.575.124**
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	8.023.704.566.727	7.925.201.974.718
222	Nguyên giá		10.883.853.862.065	10.381.387.643.034
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.860.149.295.338)	(2.456.185.668.316)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	9(b)	313.008.957	489.076.488
225	Nguyên giá		1.232.472.730	1.232.472.730
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(919.463.773)	(743.396.242)
227	Tài sản cố định vô hình	9(c)	375.799.188.280	383.442.523.918
228	Nguyên giá		420.826.943.652	420.826.943.652
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(45.027.755.372)	(37.384.419.734)
250	**Tài sản dở dang dài hạn**		**644.610.452.542**	**1.191.632.054.234**
252	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	644.610.452.542	1.191.632.054.234
260	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**6b**	**799.569.946.738**	**452.764.101.531**
262	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		382.993.609.753	371.295.904.271
263	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		127.000.000.000	127.000.000.000
264	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn		(81.000.000.000)	(81.000.000.000)
265	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		370.576.336.985	35.468.197.260
270	**Tài sản dài hạn khác**		**198.497.174.932**	**243.510.687.682**
271	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	11(b)	82.783.198.824	56.376.487.463
272	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		8.612.719.877	9.347.549.952
274	Tài sản dài hạn khác		64.408.542.416	128.829.294.395
279	Lợi thế thương mại		42.692.713.815	48.957.355.872
280	**TỔNG TÀI SẢN**		**19.148.268.202.964**	**17.969.889.884.600**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 30.09.2026 VND	31.12.2025 Trình bày lại VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**9.893.679.781.659**	**8.970.343.751.387**
310	**Nợ ngắn hạn**		**4.624.733.452.139**	**3.565.082.162.211**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12(a)	1.241.419.284.824	1.237.256.317.362
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	765.850.003.467	-
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận		45.199.964.019	35.025.651.516
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	14(a)	91.797.713.575	81.639.056.468
315	Phải trả người lao động		2.540.862.952	3.119.383.898
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	284.307.962.218	350.392.727.585
319	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		114.022.288.655	114.021.887.481
320	Phải trả ngắn hạn khác	16(a)	202.660.104.519	197.603.198.995
321	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17(a)	1.876.935.267.910	1.546.023.938.906
330	**Nợ dài hạn**		**5.268.946.329.520**	**5.405.261.589.176**
331	Phải trả người bán dài hạn	12(b)	315.236.163.767	315.236.163.767
337	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	4.011.938
339	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17(b)	4.877.035.589.749	5.012.469.196.604
342	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		76.674.576.004	77.552.216.867
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**9.254.588.421.305**	**8.999.546.133.213**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
420	Lợi nhuận chưa phân phối		(421.105.582.998)	(553.384.551.522)
420a	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(554.267.808.584)	(575.827.435.620)
420b	- LNST chưa phân phối/Lỗ lũy kế của kỳ này		133.162.225.586	22.442.884.098
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.375.694.004.303	2.252.930.684.735
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**19.148.268.202.964**	**17.969.889.884.600**

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Nguyễn Thị Thùy Dung	Trần Thị Thủy	Tan Bo Quan, Andy
Người lập	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
		Ngày 30 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 02a – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số		Thuyết minh	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 30.9.2026 VND	Kỳ 3 tháng kết thúc ngày 30.9.2025 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30.9.2026 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30.9.2025 VND
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**332.225.753.466**	**349.366.122.275**	**1.059.192.340.186**	**1.008.786.802.512**
11	Giá vốn hàng bán		(171.993.161.176)	(161.903.200.694)	(499.952.816.512)	(484.123.671.923)
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**160.232.592.290**	**187.462.921.581**	**559.239.523.674**	**524.663.130.589**
22	Doanh thu hoạt động tài chính	22	60.279.182.707	48.815.188.196	190.923.555.115	141.570.897.690
23	Chi phí tài chính	23	(152.138.170.658)	(142.232.142.686)	(436.530.516.353)	(475.859.742.820)
24	*+ Trong đó: chi phí lãi vay*		*(103.197.712.317)*	*(124.134.816.962)*	*(414.688.370.384)*	*(375.539.042.201)*
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	217.744.935.669	(15.023.659.182)	(35.962.305.391)	(47.007.414.180)
27	Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết		7.263.269.581	(2.686.668.568)	11.697.705.482	(11.840.511.357)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**293.381.809.589**	**76.335.639.341**	**289.367.962.527**	**131.526.359.922**
31	Thu nhập khác	26a	4.892.216.612	43.790.604	6.814.939.248	12.980.050.577
32	Chi phí khác	26b	(2.405.324.583)	(4.023.540.631)	(6.295.355.617)	(33.503.693.245)
40	**Lợi nhuận/(lỗ) khác**		**2.486.892.029**	**(3.979.750.027)**	**519.583.631**	**(20.523.642.668)**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**295.868.701.618**	**72.355.889.314**	**289.887.546.158**	**111.002.717.254**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	27	**(13.630.809.123)**	**(4.865.064.013)**	**(25.560.354.190)**	**(17.557.799.636)**
52	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**	28	**612.557.105**	**(4.895.267)**	**1.733.280.092**	**1.418.015.051**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**282.850.449.600**	**67.485.930.034**	**266.060.472.060**	**94.862.932.669**
61	**Cổ đông của công ty mẹ**		**249.125.438.608**	**37.402.623.422**	**143.336.538.091**	**50.600.466.182**
62	**Cổ đông không kiểm soát**		**33.725.010.992**	**30.083.306.612**	**122.723.933.969**	**44.262.466.487**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	29	**341**	**51**	**196**	**69**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	30	**341**	**51**	**196**	**69**

Nguyễn Thị Thùy Dung	Trần Thị Thủy	Tan Bo Quan, Andy
Người lập	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
		Ngày 30 tháng 10 năm 2026

Mẫu số B 03a – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Kỳ kế toán kết thúc ngày 30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**289.887.546.158**	**111.002.717.254**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), phân bổ lợi thế thương mại		418.202.651.248	406.883.011.288
03	Các khoản dự phòng		1.117.495.726	127.705.200
04	Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(38.033.919.680)	83.699.858.332
05	Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính		(47.582.981.285)	(17.890.741.290)
06	Chi phí đi vay		414.688.370.384	377.132.635.481
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**1.038.279.162.551**	**960.955.186.265**
09	Tăng các khoản phải thu		(1.165.165.024.811)	(187.295.013.315)
10	Tăng hàng tồn kho		(4.086.286.595)	(1.742.313.756)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		1.677.879.830.223	(5.756.086.562)
12	(Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ		(27.235.641.111)	14.206.683.122
14	Chi phí đi vay đã trả		(480.111.559.773)	(309.481.690.895)
15	Thuế TNDN đã nộp		(20.256.445.502)	(5.235.058.127)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.019.304.034.982**	**465.651.706.732**
				-
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(9.118.074.121)	(23.724.891.975)
23	Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn		(1.980.245.055.810)	(94.333.985.284)
24	Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn		769.775.000.000	294.991.528.553
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(294.030.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		400.000.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34.402.172.264	15.985.734.822
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(1.184.785.957.667)**	**(101.111.613.884)**

	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.291.995.428.104	278.330.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.058.285.409.663)	(611.947.044.864)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(203.358.000)	(203.358.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**233.506.660.441**	**(333.820.402.864)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**68.024.737.756**	**30.719.689.984**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**76.797.478.620**	**221.563.900.097**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.690.819)	64.470.483
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**31**	**144.819.525.557**	**252.348.060.564**

Nguyễn Thị Thùy Dung	Trần Thị Thủy	Tan Bo Quan, Andy
Người lập	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
		Ngày 30 tháng 10 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO KỲ KẾ TOÁN QUÝ III KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2026

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 20 ngày 8 tháng 5 năm 2026.

Chi tiết cổ đông của Công ty tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 18.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty Con là sản xuất điện và cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con là 12 tháng.

Các số liệu tương ứng của năm tài chính trước so sánh được với số liệu của năm tài chính này.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có 12 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, 7 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: Công ty có 12 công ty con trực tiếp, 6 công ty con gián tiếp, 7 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

				30.9.2026		31.12.2025	
STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
	Công ty con trực tiếp						
1	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG Thạnh Hóa	Sản xuất điện	Bến Lức, Tây Ninh	90,00	90,00	90,00	90,00
2	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch (i)	Sản xuất điện	Phù Mỹ Đông, Gia Lai	51,00	41,28	51,00	41,28
3	Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Ia Rsai, Gia Lai	51,00	51,00	51,00	51,00
4	Công Ty Cổ Phần BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	Trung Ngãi, Vĩnh Long	50,50	50,50	50,50	50,50
5	Công Ty Cổ Phần Skylar	Sản xuất điện, tư vấn quản lý	TP. HCM	99,00	99,00	99,00	99,00
6	Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	Tư vấn quản lý	TP. HCM	50,97	50,23	50,97	50,23
7	Công Ty Cổ Phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Gia Hoà, Cần Thơ	90,00	90,00	90,00	90,00
8	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Sản xuất điện	Vĩnh Long	100,00	99,90	100,00	99,90
9	Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Vĩnh Long	100,00	99,93	100,00	99,93

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	30.9.2026		31.12.2025	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
	Công ty con trực tiếp (tiếp theo)						
10	Công Ty Cổ Phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
11	Công Ty Cổ Phần BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Sản xuất điện	TP Điện Biên Phủ, Điện Biên	99,98	99,98	99,98	99,98
12	Công Ty Cổ Phần Aton	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	85,00	85,00	85,00	85,00
	Công ty con gián tiếp						
1	Công Ty Cổ Phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
2	Công ty Cổ Phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
3	Công Ty Cổ Phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
4	Công Ty Cổ phần Năng Lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Tây Ninh	99,90	50,23	99,90	50,23
5	Công Ty Cổ phần Năng Lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Tây Ninh	99,90	50,23	99,90	50,23
6	Công Ty Cổ Phần Phát Triển Điện Gia Huy	Sản xuất điện	TP. Hà Nội	99,80	98,80	99,80	98,80
	Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp						
1	Công Ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	50,00	50,00	50,00
2	Công Ty TNHH BGE O&M	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	49,00	49,00	49,00	49,00
3	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	Xử lý chất thải rắn	TP. Hồ Chí Minh	25,00	25,00	25,00	25,00
4	Công ty CP TSN Hòn Đất	Xử lý chất thải rắn	An Giang	45,00	45,00	45,00	45,00
5	Công ty CP TSN Long An	Xử lý chất thải rắn	Tây Ninh	45,00	45,00	45,00	45,00
6	Công ty CP TSN Hà Nam	Xử lý chất thải rắn	Ninh Bình	45,00	45,00	45,00	45,00
7	Công ty CP TSN Huế	Xử lý chất thải rắn	Tp Huế	45,00	45,00	45,00	45,00

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng kí hoạt động	30.9.2026		31.12.2025	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
	Công ty liên kết ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con						
1	Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50,00	49,50	50,00	49,50

(i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, Công ty có 107 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 115 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm tài chính. Nếu ngày kết thúc năm tài chính khác nhau. thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm tài chính của các công ty và ngày kết thúc năm tài chính của Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm tài chính.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Công ty được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết. Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm tài chính phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

2.10 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các công cụ tài chính khác do Công ty nắm giữ cho mục đích kinh doanh.
Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026
Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh.
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026
Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (Thuyết minh 2.5).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.10 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư; Khoản đầu tư vào hợp đồng BCC mà doanh nghiệp không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng BCC. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận trước thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát. trong đó:

(i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản; bản chất là giao dịch cho vay (doanh nghiệp góp vào BCC bằng tiền).

(ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

(iii) Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế. Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí theo tỷ lệ tham gia cho các bên tham gia BCC trong kỳ.

(iv) Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế. Công ty sẽ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.12 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 18 năm
Giấy phép đầu tư dự án	47 - 48 năm
Khác	2 - 10 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác; được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.14 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.15 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.16 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng. công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng. Trong đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.17 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.20 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất dựa vào ngày Biên bản họp của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.21 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa. hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch. dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận từ các đơn vị đầu tư.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính. được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính và chi phí tài chính khác.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng Công ty là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan. Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"). hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.29 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Giá bán điện
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND Trình bày lại
Tiền mặt		7.550.796
Tiền gửi ngân hàng	123.319.525.557	72.789.927.824
Các khoản tương đương tiền (*)	21.500.000.000	4.000.000.000
	144.819.525.557	**76.797.478.620**

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, số dư thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng và hưởng lãi suất 4.75%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 4.6%/năm).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền đang dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty cổ phần BCG Gaia và Công ty CP Aurai Wind Energy (Công ty con) là 48.103.714.517 VND (Thuyết minh 17).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

(a) Ngắn hạn

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Công ty Mua Bán Điện (*)	1.041.090.495.915	605.455.424.915
Các đối tượng khác	8.624.764.314	8.605.804.757
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))(**)	34.517.117.680	29.934.197.047
	1.084.232.377.909	**643.995.426.719**

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đang làm việc với công ty mua bán điện về khoản công nợ phải thu liên quan đến phần chênh lệch doanh thu giữa giá FIT và giá trần chuyển tiếp, phát sinh từ ngày vận hành thương mại (COD) đến khi có văn bản chấp thuận nghiệm thu (CCA).
Hiện tại, các cơ quan thẩm quyền chưa có kết luận cuối cùng về phương án xử lý đối với phần chênh lệch này. Do chưa thể xác định được kết quả chính thức và cũng chưa đủ cơ sở để đánh giá khoản phải thu trên là không còn khả năng thu hồi, Công ty không ghi nhận bất kỳ điều chỉnh hay trích lập dự phòng rủi ro bổ sung nào trên Báo cáo tài chính.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản phải thu này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục "36. Vấn đề khác" của báo cáo này.

(b) Dài hạn

	30.9.2026 VND	31.12.2025 VND
Công ty Mua Bán Điện	-	11.630.952.744

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH TMDV MTV Huỳnh Phát Huy	423.937.900.000	423.937.900.000
Powerchina International Group Limited	142.937.642.745	142.937.642.745
Vũ Ngọc Tiến	294.030.000.000	294.030.000.000
Công ty TNHH Tổng hợp Hưng Lộc	74.233.064.600	74.233.064.600
Công ty Cổ phần Công ty PC1	31.515.453.438	31.515.453.438
Các đối tượng khác	95.597.555.358	68.861.097.475
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	22.397.321.536	22.142.271.536
	1.084.648.937.677	**1.057.657.429.794**

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) NGẮN HẠN

(a1) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30.9.2026		Tại ngày 31.12.2025 Trình bày lại	
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	965.634.472.979	-	23.739.328.942	-
Cho vay	3.065.546.764.226	(464.571.979.701)	4.885.265.848.101	(463.454.483.975)
Trong đó:				
Cho vay	132.188.483.975	(107.960.483.975)	132.188.483.975	(107.234.483.975)
Lãi cho vay	4.193.975.659	(91.495.726)	2.611.902.771	-
Vốn góp BCC (*)	750.400.000.000	(300.000.000.000)	750.400.000.000	(300.000.000.000)
Lãi BCC	8.891.067.839	-	8.891.067.839	-
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))(*)(ii)	2.169.873.236.753	(56.520.000.000)	3.991.174.393.516	(56.220.000.000)
	4.031.181.237.205	**(464.571.979.701)**	**4.909.005.177.043**	**(463.454.483.975)**

(i) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,75%/năm đến 4,8%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, lãi suất từ 4,4%/năm đến 5,1%/năm).

(ii) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản phải thu này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục "36. Vấn đề khác" của báo cáo này.

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) NGẮN HẠN (tiếp theo)

(a1) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

(*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau:

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công Ty Cổ Phần Mega Solar	300.000.000.000	Số 2309/2020/HTKD_soctrang: megasolar. Đến 22/9/2025	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	- Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
	300.000.000.000	Số 1508/2023/ĐT1-MEGA. Đến 15/8/2025	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	- Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
	150.400.000.000	Số 1508/2023/ĐT2-MEGA. Đến 15/8/2025	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	- Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	302.142.000.000	Số 1408/2024/HTKD/DT2-TSN Hòn Đất. Đến 14/08/2026	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy xử lý rác Thành phố Rạch Giá – Kiên Giang	Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	115.257.326.024	Số 2008/2024/HTKD/DT2-TSN Huế. Đến 20/08/2026	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Thủy Phương	Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) NGẮN HẠN (tiếp theo)

(a1) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết các BCC có giá trị lớn như sau (tiếp theo):

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	334.384.000.000	Số 1408/2024/HTKD/DT1-TSN Long An. Đến 14/08/2026	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy đốt rác Tâm Sinh Nghĩa – Long An	Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
Công Ty Cổ Phần Đầu tư Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	454.057.000.000	Số 2008/2024/HTKD/DT2-TSN. Đến 20/08/2026	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa	Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
	590.130.000.000	Số 2008/2024/HTKD/DT1-TSN. Đến 20/08/2026	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa	Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
	2.546.370.326.024			

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) NGẮN HẠN (tiếp theo)

(a2) Đầu tư ngắn hạn khác

	30.9.2026 VND	01.01.2026 Trình bày lại VND
Vốn góp BCC Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))(*)	2.288.696.855.067	633.683.000.000

(*) Chi tiết BCC như sau:

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	1.659.813.855.067	Số 270421BCG - KL1 Đến 20/4/2027	Dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư.	- Sau khi dự án đi vào vận hành: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp. - Dự án đang trong giai đoạn xây dựng.
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	343.325.000.000	Số 2008/2024/HTKD/WINDST-TSN. Đến 20/08/2026	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa	Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
	168.244.000.000	Hợp đồng HTKD ngày 26/08/2024. Đến 25/08/2025	Đầu tư vào dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa.	Chia lợi nhuận 15%/năm, chia lợi nhuận cuối kỳ
	117.314.000.000	Hợp đồng HTKD số 01/2024/HTKD/TH-TSN. Đến 25/08/2025	Đầu tư vào dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa	- Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn. - Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
	2.288.696.855.067			

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) DÀI HẠN

(b1) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 30.9.2026			Tại ngày 31.12.2025 Trình bày lại		
	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1 (**)	59.400.000.000	(*)	(59.400.000.000)	59.400.000.000	(*)	(59.400.000.000)
Công ty Cổ Phần Năng lượng Dương Phong	21.600.000.000	(*)	(21.600.000.000)	21.600.000.000	(*)	(21.600.000.000)
Vốn góp BCC (i)	46.000.000.000		-	46.000.000.000		-
	127.000.000.000	-	**(81.000.000.000)**	**127.000.000.000**		**(81.000.000.000)**

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính, tình trạng các khoản đầu tư này đã được các bộ phận liên quan báo cáo cập nhật tình hình thực tế dựa trên các nguồn thông tin có thể tiếp cận được. Ban Tổng Giám đốc, Hội Đồng Quản Trị Công Ty đang theo dõi và đánh giá ảnh hưởng lên việc trình bày báo cáo tài chính tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi tiết được trình bày tại mục "36. Vấn đề khác" của báo cáo này.

(i) Theo BCC lập ngày 6 tháng 2 năm 2024 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Vịnh Nha Trang, hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió E&M Đắk lắk. Thời gian hợp tác là 3 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và việc phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) DÀI HẠN (tiếp theo)

(b2) Đầu tư vào công ty liên kết

	Tại ngày 30.9.2026			Tại ngày 31.12.2025		
	Giá trị gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Skylight Power	24.529.900.000	20.512.515.150	(*)	24.529.900.000	21.187.313.427	(*)
Công Ty TNHH BGE O&M	2.205.000.000	10.665.970.513	(*)	2.205.000.000	9.206.663.654	(*)
Công ty CP BCG - SP Greensky	411.512.000.000	351.815.124.090	(*)	411.512.000.000	340.901.927.190	(*)
Công ty CP Đầu Tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	369.494.648.148	-	(*)	369.494.648.148	-	(*)
Công ty CP TSN Hòn Đất	47.275.833.333	-	(*)	47.275.833.333	-	(*)
Công ty CP TSN Long An	42.419.166.667	-	(*)	42.419.166.667	-	(*)
Công ty CP TSN Hà Nam	3.130.833.333	-	(*)	3.130.833.333	-	(*)
Công ty CP TSN Huế	11.718.750.000	-	(*)	11.718.750.000	-	(*)
	912.286.131.481	**382.993.609.753**		**912.286.131.481**	**371.295.904.271**	

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025. Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) DÀI HẠN (tiếp theo)

(b3) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30.9.2026		Tại ngày 31.12.2025 Trình bày lại	
	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.500.000.000	-	-	-
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))(*)	364.076.336.985	-	35.468.197.260	-
	370.576.336.985	-	**35.468.197.260**	-

(i) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất 7,51%/năm.

(*) Chi tiết BCC như sau:

Bên nhận góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	335.225.000.000	Hợp đồng HTKD số 01/2025/HTKD/BCGE-TSN ngày 11/12/2025 Thời gian hợp tác là 60 tháng từ ngày ký hợp đồng	Đầu tư vào dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa (tại xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, TP HCM) do Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tâm Sinh Nghĩa làm chủ đầu tư	- Bên đóng góp nhận được một phần của khoản thu nhập trước thuế từ lợi nhuận Dự án tạo ra, nhưng không ít hơn 12%/ năm. - Khoản chi trả lợi nhuận đầu tiên sẽ được thanh toán vào ngày cuối cùng của khoảng thời gian 24 tháng sau ngày góp vốn hợp tác lần đầu, các kỳ tiếp theo sẽ thanh toán vào ngày cuối cùng của chu kỳ 6 tháng

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	30.9.2026		31.12.2025 Trình bày lại	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Vốn góp BCC	219.957.200	-	101.000.000	-
Ký quỹ, đặt cọc	754.305.020.103	-	754.856.020.103	-
Tạm ứng cho nhân viên	66.507.997.159	-	38.518.112.157	-
Lãi phải thu từ cho vay, tiền gửi	7.520.837.090	(7.520.837.090)	8.223.900.136	(7.520.837.090)
Khác	53.292.878.301	(671.608.690)	53.721.184.369	(671.608.690)
	881.846.689.853	**(8.192.445.780)**	**855.420.216.765**	**(8.192.445.780)**
Trong đó:				
Bà Nguyễn Thị Bích Lan	592.896.600.000	-	592.896.600.000	-
Công Ty TNHH SX – XNK – TMDV Tổng Hợp Hoàng Vũ	118.935.250.000	-	118.935.250.000	-
Khác	68.045.056.203	(7.520.837.090)	67.167.015.519	(7.520.837.090)
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	101.969.783.650	(671.608.690)	76.421.351.246	(671.608.690)
	881.846.689.853	**(8.192.445.780)**	**855.420.216.765**	**(8.192.445.780)**

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	30.9.2026		31.12.2025 Trình bày lại	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	11.936.000.000	-	11.936.000.000	-
Khác	6.162.358	-	24.649.450	-
	11.942.162.358	-	**11.960.649.450**	-

8 HÀNG TỒN KHO

	30.9.2026		31.12.2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	7.372.754.334	-	3.286.467.739	-

9 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.020.127.710.141	7.507.453.067.291	850.956.217.601	2.736.810.801	113.837.200	**10.381.387.643.034**
Số tăng trong kỳ	442.778.150.264	51.848.374.855	6.301.008.412	31.750.000	1.841.914.500	**502.801.198.031**
Số giảm trong kỳ	180.000.000	154.979.000	-	-	-	**334.979.000**
Số dư cuối kỳ	2.462.725.860.405	7.559.146.463.146	857.257.226.013	2.768.560.801	1.955.751.700	**10.883.853.862.065**
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	534.758.458.432	1.704.970.389.677	214.737.295.933	1.637.855.610	81.668.664	**2.456.185.668.316**
Khấu hao trong kỳ	88.790.378.080	282.296.763.901	32.433.894.928	350.150.525	296.026.201	**404.167.213.635**
Giảm trong kỳ	48.607.613	154.979.000	-	-	-	**203.586.613**
Số dư cuối kỳ	623.500.228.899	1.987.112.174.578	247.171.190.861	1.988.006.135	377.694.865	**2.860.149.295.338**
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.485.369.251.709	5.802.482.677.614	636.218.921.668	1.098.955.191	32.168.536	**7.925.201.974.718**
Số dư cuối kỳ	1.839.225.631.506	5.572.034.288.568	610.086.035.152	780.554.666	1.578.056.835	**8.023.704.566.727**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, một phần nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và truyền dẫn của Công ty đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng và các đối tượng khác (Thuyết minh 17).

9 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ thuê tài chính

	Phương tiện vận tải VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2026 và ngày 30.9.2026	1.232.472.730
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2026	743.396.242
Khấu hao trong kỳ	176.067.531
Tại ngày 30.9.2026	919.463.773
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2026	489.076.488
Tại ngày 30.9.2026	**313.008.957**

TSCĐ thuê tài chính liên quan đến hợp đồng thuê tài chính số 63.22.07/CTTC ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê tài chính này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân, do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm.

9 TSCĐ (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình

	Giấy phép đầu tư dự án VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2026 và ngày 30.9.2026	420.826.943.652
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2026	37.384.419.734
Khấu hao trong kỳ	7.643.335.638
Tại ngày 30.9.2026	45.027.755.372
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2026	383.442.523.918
Tại ngày 30.9.2026	**375.799.188.280**

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	376.921.737.462	873.046.743.173
Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1	116.750.407.871	115.350.451.215
Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 2	22.321.243.174	20.686.806.164
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 2	18.781.571.439	18.781.571.439
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 3	18.794.568.714	18.794.568.714
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 4	18.769.127.802	18.769.127.802
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 5	16.450.567.846	16.450.567.846
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 6	15.176.319.651	15.176.319.651
Dự án Nhà máy điện Phù Mỹ	15.135.273.360	72.145.187.470
Dự án Nhà máy Điện Gió BCG Sóc Trăng 1	14.302.306.135	12.654.089.449
Dự án Linh Trung 3	8.555.136.136	7.495.041.360
Chi phí xây dựng khác	2.652.192.952	2.281.579.951
	644.610.452.542	**1.191.632.054.234**

11 CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

(a) Ngắn hạn

	30.9.2026 VND	31.12.2025 VND
Công cụ dụng cụ	5.834.229.266	4.751.653.449
Chi phí dịch vụ thu xếp vốn	1.310.630.143	-
Khác	4.707.834.565	4.726.673.494
	11.852.693.974	**9.478.326.943**

(b) Dài hạn

	30.9.2026 VND	31.12.2025 VND
Chi phí bảo hiểm	6.450.509.120	7.760.879.850
Tiền trồng rừng thay thế	17.551.864.490	18.500.154.611
Tiền thuê đất trả trước	10.834.775.016	11.028.637.788
Chi phí phát hành trái phiếu	3.000.000.000	4.800.000.000
Chi phí giải phóng mặt bằng	5.941.317.685	6.816.061.950
Công cụ dụng cụ, thiết bị	14.745.762.162	1.361.408.489
Khác	24.258.970.351	6.109.344.775
	82.783.198.824	**56.376.487.463**

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

(a) Ngắn hạn

	30.9.2026		31.12.2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Trong đó:				
Ông Ngô Đức Thắng	324.900.000.000	324.900.000.000	324.900.000.000	324.900.000.000
Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	211.241.003.371	211.241.003.371	211.241.003.371	211.241.003.371
Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	263.909.286.656	263.909.286.656	264.692.350.164	264.692.350.164
Ông Nguyễn Văn Lục	142.627.982.231	142.627.982.231	142.627.982.231	142.627.982.231
Khác	110.361.855.576	110.361.855.576	129.840.925.514	129.840.925.514
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	188.379.156.990	188.379.156.990	163.954.056.082	163.954.056.082
	1.241.419.284.824	**1.241.419.284.824**	**1.237.256.317.362**	**1.237.256.317.362**

(b) Dài hạn

	30.9.2026		31.12.2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	315.236.163.767	315.236.163.767	315.236.163.767	315.236.163.767
	315.236.163.767	**315.236.163.767**	**315.236.163.767**	**315.236.163.767**

13 CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Công ty CP đầu tư và phát triển Trí Lực Việt (i)	765.000.000.000	-
Bên liên quan	850.003.467	-
	765.850.003.467	-

(i) Khoản tiền ứng trước mua cổ phần theo Hợp đồng số 01/2026/HDMBCP ký ngày 30/07/2026 với Công ty cổ phần Aurai Wind Energy.

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01.01.2026 VND	Số phải nộp/thu trong kỳ VND	Cấn trừ trong kỳ/phân loại lại VND	Số đã thực nộp/thu trong kỳ VND	30.9.2026 VND
a) Phải trả					
Thuế GTGT phải nộp	30.266.591.216	84.346.653.384	17.487.200.038	60.955.953.390	36.170.091.172
Thuế TNDN	37.293.116.575	25.560.354.190	-	20.256.445.502	42.597.048.102
Thuế thu nhập cá nhân	1.152.339.369	2.844.913.065	-	2.768.047.769	1.229.204.665
Khác	12.927.009.308	14.645.484.553	-	15.771.124.225	11.801.369.636
	81.639.056.468	127.397.405.192	17.487.200.038	99.751.570.886	91.797.713.575
b) Thuế GTGT được khấu trừ					
Thuế GTGT được khấu trừ	37.343.648.200	2.929.664.681	2.573.429.109	-	37.699.883.772
c) Phải thu					
Thuế TNDN nộp thừa	1.246.738.169	-	-	-	1.246.738.169

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.9.2026 VND	31.12.2025 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu (*)	259.307.774.340	320.510.754.965
Khác	25.000.187.878	29.881.972.620
	284.307.962.218	**350.392.727.585**

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên (Công ty con) đang chậm thanh toán lãi 3 kỳ trái phiếu là kỳ 09/06/2025 với số tiền là 23.141.429.010 đồng; kỳ 08/11/2025 với số tiền là 23.268.581.700 đồng và kỳ 08/6/2026 với số tiền là 23.141.429.010 đồng. Hiện nay, Ban Điều hành Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên đang tích cực đàm phán với nhà đầu tư về phương án cơ cấu nợ cho dự án.

16 PHẢI TRẢ KHÁC

	30.09.2026 VND	31.12.2025 VND
Chi phí lãi BCC	163.891.993.849	163.891.993.849
Chi phí lãi vay	11.382.599.090	15.602.844.937
BHXH, BHYT, BHTN	371.268.455	114.590.976
Khác	27.014.243.125	17.993.769.233
	202.660.104.519	**197.603.198.995**
Trong đó		
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần MGM Hanbit	134.679.589.045	134.679.589.045
Khác	54.535.128.983	51.937.497.430
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	13.445.386.491	10.986.112.520
	202.660.104.519	**197.603.198.995**

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2026 VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Phân loại lại VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 30.9.2026 VND
Vay ngân hàng (i)	-	19.366.428.104	-	-	-	19.366.428.104
Vay dài hạn ngân hàng đáo hạn trong vòng một năm (i)	544.132.958.307	-	(317.287.409.663)	403.410.431.138	(1.575.662.575)	628.680.317.207
Chi phí đi vay	(2.124.799.500)	2.124.791.040	-	(2.124.791.040)	-	(2.124.799.500)
Vay từ bên liên quan (ii)	112.632.810.099	-	(100.000.000)	-	-	112.532.810.099
Vay từ các đối tượng khác (ii)	891.111.826.000	972.629.000.000	(740.898.000.000)	(3.888.000.000)	(542.100.000)	1.118.412.726.000
Nợ thuê tài chính	271.144.000	-	(203.358.000)	-	-	67.786.000
	1.546.023.938.906	**994.120.219.144**	**(1.058.488.767.663)**	**397.397.640.098**	**(2.117.762.575)**	**1.876.935.267.910**

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2026 Trình bày lại VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Phân loại lại VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 30.9.2026 VND
Vay ngân hàng (i)	3.800.851.882.716	300.000.000.000	-	(403.410.431.138)	(35.116.769.000)	3.662.324.682.578
Chi phí đi vay	(17.883.656.980)	-	-	1.593.593.280	-	(16.290.063.700)
Phát hành trái phiếu (iii)	357.000.000.000	-	-	-	-	357.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(4.000.000.000)	-	-	1.500.000.003	-	(2.499.999.997)
Vay từ các đối tượng khác	20.500.970.868	-	-	-	-	20.500.970.868
BCC (iv)	856.000.000.000	-	-	-	-	856.000.000.000
	5.012.469.196.604	**300.000.000.000**	**-**	**(400.316.837.855)**	**(35.116.769.000)**	**4.877.035.589.749**

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Tại ngày 30.9.2026	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	VND			%	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	1.910.661.436.696	Tài trợ chi phí đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 123 - Giai đoạn 1	Đến 25/05/2031 và 05/05/2036	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND + Biên độ tối thiểu 4%/năm; và biên độ tối thiểu 2,8%/năm	Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và toàn bộ động sản thuộc của công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện; toàn bộ cổ phần và quyền tài sản phát sinh từ các dự án.
DBS Bank Ltd, Singapore	1.591.905.164.500	Tài trợ cho các dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh và kế hoạch kinh doanh. Số dư tại 30.9.2026 là 61.297.850 USD, tương đương 1.591.905.164.500 đồng.	Đến 30/6/2035	SOFR +2,9%	(*)
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	476.586.546.819	Tài trợ dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco Vĩnh Long	Đến 15/01/2036	9,75 -10,55	Tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời tại công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện .
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	11.851.851.770	Tài trợ chi phí xây dựng dự án điện mặt trời mái nhà	Đến 01/02/2028	13,34	Hệ thống điện mặt trời mái nhà của Công ty con tại Siêu thị Gỗ Tây, khu ICD Tân Cảng Long Bình, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai - tại kho xưởng của Công ty CP Tân Vĩnh Cửu, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP Nam Á	300.000.000.000	Bổ sung vốn HTKD thực hiện dự án Nhà máy đốt rác phát điện Tâm Sinh Nghĩa theo HĐ HTKD số 01/2025/HTKD/BCGE-TSN ngày 11/12/2025	Từ 16/01/2028 - 16/1/2031	12	Toàn bộ giá trị phần vốn góp/cổ phần của BCGE đã góp vào Công ty Cổ phần Skylar Tài sản nhận kèm: Toàn bộ các quyền và lợi ích phát sinh (bao gồm cả quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán khác) được hưởng từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2025/HTKD/BCGE-TSN ngày 11/12/2025 được ký kết giữa Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển Tâm Sinh Nghĩa.
Ngân hàng TMCP Nam Á	19.366.428.104	Bổ sung vốn kinh doanh	1 năm theo từng lần giải ngân	10%	Công trình xây dựng, lò đốt rác số 02 và kiến trúc gắn liền với đất thuộc Nhà máy xử lý rác thải TP Rách Giá - Kiên Giang thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Cp TSN Hòn Đất.
Tổng cộng	**4.310.371.427.889**				
Trong đó:					
Đáo hạn trong vòng 1 năm	628.680.317.207				
Vay ngân hàng ngắn hạn, dài hạn	3.681.691.110.682				

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

(*) Khoản vay với ngân hàng DBS Bank Ltd., Singapore được thế chấp bằng những tài sản chi tiết sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công Ty Cổ Phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG Gaia Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Băng Dương
Công Ty Cổ Phần BCG GAIA	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Băng Dương Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh
Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Bamboo Capital	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Băng Dương
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Toàn bộ bất động sản và động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án Các quyền sử dụng đất và toàn bộ tòa nhà, cấu trúc và/hoặc các công trình khác nằm trên hoặc gắn liền với đất
Công Ty Cổ Phần Năng Lượng BCG – Băng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Toàn bộ bất động sản và động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án Các quyền sử dụng đất và toàn bộ tòa nhà, cấu trúc và/hoặc các công trình khác nằm trên hoặc gắn liền với đất
Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd.	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Ông Phạm Minh Tuấn	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Bà Hoàng Thị Minh Châu	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

	Tại ngày 30.9.2026 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Bên liên quan					
Ngắn hạn					
Công ty TNHH Tulip Solar	8.532.810.099	Xây dựng các dự án năng lượng điện áp mái	Đến 18/04/2027	8,5	Tín chấp
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	100.000.000.000	Mua sắm, lắp đặt thiết bị, và thi công dự án nhà máy điện gió	Đến 19/11/2026	16	Tín chấp
Nguyễn Mạnh Chiến	4.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 15/10/2026	9	Tín chấp
Cộng	**112.532.810.099**				

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có số dư lớn với bên liên quan và các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

	Tại ngày 30.9.2026	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Tài sản thế chấp
	VND			%/năm	
Công Ty TNHH Thảo Châu Gia	970.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán nợ vay nước ngoài và cho các mục đích khác.	Đến 27/8/2027	12	
Sembcorp Energy Vietnam Company Limited	20.500.970.868	Đây là khoản vay bằng VND để bổ sung vốn lưu động.	Đến 12/11/2026	9	Tín chấp
Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	33.748.000.000	Bổ sung vốn lưu động. Số dư tại ngày 30.9.2026 là 1.300.000 USD tương đương với 33.748.000.000 Đồng	Đến 31/12/2026	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH ĐT&TM Minh Phương Nam Hà Nội	43.100.000.000	Bổ sung vốn cho việc thực hiện các dự án	Đến 15/12/2025	9	Tín chấp
Công ty Cổ phần E Power 1	3.070.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/12/2026	0	Tín chấp
Ông Phạm Minh Tuấn	56.219.726.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/05/2026	10	Tín chấp
Bà Đinh Hồng Sương	2.629.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 04/3/2027	6	Tín chấp
Công ty Cổ phần E Power 1	3.630.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 28/5/2026	9	Tín chấp
Nguyễn Thị Minh Thương	915.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 05/11/2026	9	Tín chấp
Ông Phạm Quang Khải	765.000.000	Thanh toán cho các chi phí phát triển dự án điện mặt trời của Violet hoặc cho các mục đích khác	Đến 27/03/2027	10	Tín chấp
Ông Phạm Quang Khải	659.000.000	Thanh toán cho các chi phí phát triển dự án điện mặt trời của Orchid hoặc cho các mục đích khác	Đến 24/4/2027	10	Tín chấp
	1.135.236.696.868				

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Chi tiết về trái phiếu phát hành ngắn hạn và dài hạn như sau:

	30.9.2026			31.12.2025		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
Dài hạn						
Loại phát hành theo mệnh giá (*)	357.000.000.000	13	5 năm	357.000.000.000	13	5 năm

(*) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tư vấn phát hành. Mã Trái phiếu: TNECH.2227001, phát hành từ ngày 09/12/2022 có Mệnh giá: 100.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu bằng Đồng Việt Nam, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất kết hợp lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, có kỳ hạn 60 tháng. Được đăng ký và được cấp mã trái phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ngày 12/09/2023. Được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- Toàn bộ phần góp vốn thuộc chủ sở hữu của các bên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên;
- Toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ và liên quan đến Dự án Krông Pa 2 (bao gồm nhưng không giới hạn quyền kinh doanh, khai thác, phát triển Dự án Krông Pa 2. nguồn thu từ Dự án Krông Pa 2 và các quyền tài sản khác phát sinh từ Dự án Krông Pa 2;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Krông Pa 2 (sau khi đủ điều kiện thế chấp theo quy định của pháp luật);
- 19.284.000 (Bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn) cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (Mã chứng khoán: BCG) thuộc sở hữu của (các) cá nhân/tổ chức khác;
- Các tài sản và biện pháp bảo đảm khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba theo thỏa thuận giữa các bên liên quan được bổ sung, thay thế tại từng thời điểm nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của Trái Phiếu

Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty.

17 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iv) Chi tiết số dư BCC như sau:

Bên góp BCC	Số tiền VND	Hợp đồng - Thời hạn	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công Ty Cổ Phần MGM Hanbit	400.000.000.000	Số 01.12/2021/HĐ - HTĐT/ĐT1 – MGM. Đến 1/12/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1	Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
Công Ty Cổ Phần BCG Land Gateway	300.000.000.000	Số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT1. Đến 23/6/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1	Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
	156.000.000.000	Số 230601/2021/HTKD/GATEWAY-DT2. Đến 23/06/2031	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2	Phân chia lợi nhuận theo tình hình thực tế và lợi nhuận của dự án, theo tỷ lệ góp vốn.
	856.000.000.000			

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày 30.9.2026		Tại ngày 31.12.2025	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	730.000.000	-	730.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	-	730.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000.000	-	730.000.000	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30.9.2026		Tại ngày 31.12.2025	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công Ty CP Tập đoàn Bamboo Capital(*)	348.300.000	47,71	348.300.000	47,71
Công ty TNHH Mua bán nợ Nam Sài Gòn	44.600.000	6,11	44.600.000	6,11
Công ty CP Đầu tư và Mua bán nợ Sài Gòn	40.900.000	5,60	40.900.000	5,60
Các Cổ Đông Khác	296.200.000	40,58	296.200.000	40,58
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**730.000.000**	**100,00%**	**730.000.000**	**100,00%**

(*) Công ty TNHH mua bán nợ Nam Sài Gòn đã ủy quyền biểu quyết cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital với 25 triệu cổ phiếu tương ứng với 3,42% tỷ lệ quyền biểu quyết. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital đang nắm giữ 51,1% quyền biểu quyết tại Công ty.

(c) Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	730.000.000	7.300.000.000.000	**7.300.000.000.000**
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	730.000.000	7.300.000.000.000	**7.300.000.000.000**
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026	730.000.000	7.300.000.000.000	**7.300.000.000.000**

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(d) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư tại 01.01.2025	7.300.000.000.000	(575.837.354.077)	2.235.499.544.590	**8.959.662.190.513**
Lợi nhuận trong kỳ	-	36.008.634.103	17.441.902.304	**53.450.536.407**
Chia cổ tức ưu đãi (*)	-	(13.565.750.004)	-	**(13.565.750.004)**
Khác	-	9.918.456	(10.762.159)	**(843.703)**
Số dư tại 31.12.2025	7.300.000.000.000	(553.384.551.522)	2.252.930.684.735	**8.999.546.133.213**
Lợi nhuận/Lỗ trong kỳ	-	143.336.538.091	122.723.933.969	**266.060.472.060**
Chia cổ tức ưu đãi (*)	-	(10.174.312.503)	-	**(10.174.312.503)**
Khác	-	(883.257.064)	39.385.599	**(843.871.465)**
Số dư tại ngày 30.09.2026	7.300.000.000.000	(421.105.582.998)	2.375.694.004.303	**9.254.588.421.305**

(*) Đây là cổ tức ưu đãi cố định hằng năm (bằng 11% số tiền đã thanh toán để mua số cổ phiếu ưu đãi) phải trả cho Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. — cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi tại Công ty Cổ phần BCG GAIA (công ty con), theo Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp cho cổ đông này.

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngoại tệ

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2026, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 20.655,09 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 23.412,72 Đô la Mỹ).

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	**30.09.2025 VND**
Doanh thu về bán điện, hàng hóa	1.037.825.547.177	975.521.562.021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.366.793.009	33.265.240.491
	1.059.192.340.186	**1.008.786.802.512**

(*) Trong kỳ báo cáo, Công ty đang tiếp tục ghi nhận doanh thu bán điện của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch, Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long, Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương và Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương dựa trên mức giá bán điện ưu đãi (giá FIT).
Vào ngày lập Báo cáo tài chính này, các cơ quan có thẩm quyền chưa đưa ra kết luận cuối cùng về phương án xử lý cụ thể tiếp theo đối với phần chênh lệch doanh thu phát sinh do việc áp dụng giá FIT thay vì giá trần chuyển tiếp. Do kết luận cuối cùng về vấn đề này chưa xác định được tại thời điểm hiện tại, không có điều chỉnh nào liên quan đến việc giảm trừ hay điều chỉnh doanh thu được ghi nhận vào Báo cáo tài chính.

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	**30.09.2025 VND**
Giá vốn của bán điện, hàng hóa	485.848.840.789	465.421.102.599
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.103.975.723	18.702.569.324
	499.952.816.512	**484.123.671.923**

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Lãi phải thu theo BCC	(119.414.058.333)	111.730.483.339
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	33.699.109.218	29.731.252.647
Doanh thu hoạt động tài chính khác	276.638.504.230	109.161.704
	190.923.555.115	**141.570.897.690**

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	414.688.333.301	375.539.042.201
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	861.601.446	83.699.858.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.399.594.738	9.716.292.880
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu	1.500.000.003	5.792.599.435
Chi phí tài chính khác	8.080.986.865	1.111.949.972
	436.530.516.353	**475.859.742.820**

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.177.955.224	12.358.513.561
Chi phí nhân viên quản lý	16.143.345.296	14.237.106.995
Chi phí dự phòng	1.117.495.726	127.705.200
Phân bổ lợi thế thương mại	6.264.642.057	6.264.642.057
Chi phí khấu hao TSCĐ	697.177.038	746.483.493
Chi phí khác	2.561.690.050	13.272.962.874
	35.962.305.391	**47.007.414.180**

25 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Chi phí khấu hao, lợi thế thương mại phân bổ	421.819.345.294	404.802.289.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.392.371.605	72.710.163.856
Chi phí nhân công	30.005.841.967	34.037.084.063
Chi phí khác	11.580.067.311	19.453.843.696
	534.797.626.177	**531.003.380.903**

26 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

a) Thu nhập khác

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Nhận bồi thường do thi công chậm tiến độ	772.389.063	-
Thu nhập từ bán chứng chỉ năng lượng tái tạo	2.186.166.585	-
Các khoản khác	3.856.383.600	12.980.050.577
	6.814.939.248	**12.980.050.577**

b) Chi phí khác

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Các khoản bị phạt	3.722.163.190	17.819.089.590
Các khoản khác	2.573.192.427	15.684.603.655
	6.295.355.617	**33.503.693.245**

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo quy định hiện hành, cụ thể như sau:

Tại Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ - giai đoạn 1 và 2: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long:

Đối với nhà máy điện mặt trời Vneco - Vĩnh Long: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Gaia: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời BCG - Băng Dương: Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).

Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.9.2026 VND	**30.9.2025 VND**
Công ty CP Aurai Wind Energy	8.553.366.637	-
Cty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	-	4.075.581.263
Công ty CP Phát triển tầm nhìn Năng lượng sạch	11.349.332.674	9.217.244.423
Công ty CP BCG Vĩnh Long	981.800.047	755.592.037
Công ty CP Violet Solar	62.001.545	-
Công ty CP Năng lượng BCG Băng Dương	1.598.225.300	1.383.217.027
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	2.459.829.870	1.743.898.518
Công ty CP Phát triển điện Gia Huy	555.798.117	382.266.368
	25.560.354.190	**17.557.799.636**

Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.9.2026 VND	30.9.2025 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(30.994.379)	(779.364.104)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.764.274.471	2.197.379.155
	1.733.280.092	**1.418.015.051**

29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	143.336.538.091	50.600.466.182
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	730.000.000	730.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**196**	**69**

30 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông và giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất, vì vậy lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT ("BCLCTT")

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.9.2026 VND	30.9.2025 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.291.995.428.104	278.330.000.000
Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.058.285.409.663	611.947.044.864
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	203.358.000	203.358.000
	1.058.488.767.663	**612.150.402.864**

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công Ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết trực tiếp
Công Ty TNHH BGE O&M	Công ty liên kết trực tiếp
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	Công ty liên kết trực tiếp
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	Công ty liên kết trực tiếp
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	Công ty liên kết trực tiếp
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	Công ty liên kết trực tiếp
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	Cùng công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần BCG Land	Cùng công ty mẹ
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công Ty TNHH Tulip Solar	Công ty con của Công ty liên kết
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	Bên liên quan khác
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	Bên liên quan khác
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	Bên liên quan khác
Công Ty Taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	3.139.815.195	19.819.520.000
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	5.237.918.000	6.332.360.491
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	3.262.500.000	3.288.360.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	1.912.500.000	1.912.500.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	1.912.500.000	1.912.500.000
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	2.243.279.907	-
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	2.243.279.907	-
Công Ty TNHH BGE O&M	1.415.000.000	-
	21.366.793.009	**33.265.240.491**
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công Ty TNHH BGE O&M	29.293.942.993	28.706.657.665
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo hiểm AAA	2.088.908.764	6.302.939.575
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	390.000.000	2.370.000.000
Công Ty Cổ Phần BCG Land	225.000.000	225.000.000
Công Ty Taxi Việt Nam	-	28.671.889
Công ty TNHH Tulip Solar	-	-
	31.997.851.757	**37.633.269.129**
iii) Lãi BCC phải thu		
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	(148.022.198.058)	111.730.483.339
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	28.608.139.725	-
	(119.414.058.333)	**111.730.483.339**
iv) Vay		
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	-	200.000.000.000

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
v) Trả gốc vay		
Công Ty TNHH Tulip Solar	100.000.000	-
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	-	800.000.000
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	-	200.000.000.000
	100.000.000	**200.800.000.000**
vi) Lãi đi vay		
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	11.967.123.289	12.350.684.934
Công Ty TNHH Tulip Solar	542.988.655	574.263.991
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	-	39.495.888
	12.510.111.944	**12.964.444.813**
vii) Cho vay		
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	8.000.000	6.916.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	-	85.540.000.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	-	31.000.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	-	25.000.000
	8.000.000	**92.512.000.000**
viii) Thu hồi cho vay		
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	34.975.000.000	8.265.528.553
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	-	192.592.000.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	-	3.394.000.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	390.000.000	28.740.000.000
	35.365.000.000	**232.991.528.553**

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
ix) Lãi cho vay		
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	17.406.594.300	17.199.195.596
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	60.448.930	69.007.317
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	745.478.804	993.042.889
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	3.582.507.948	3.582.507.948
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	56.477.341	795.194.382
Công Ty Cổ Phần Phát Triển Nguyễn Hoàng	40.389.039	40.389.039
Công Ty TNHH Skylight Power	-	-
	21.891.896.362	**22.679.337.171**
x) Chuyển tiền BCC cho		
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	300.000.000.000	-
	300.000.000.000	**-**
xi) Thu hồi BCC		
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	4.800.000.000	5.954.000.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	-	17.618.780.000
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	-	12.242.673.976
	4.800.000.000	**35.815.453.976**

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2026 VND	30.09.2025 VND
xii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Họ và tên	**Chức danh**		
Hội Đồng Quản trị			
Ông Ng Wee Siong Leonard	Chủ tịch	630.000.000	105.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó chủ tịch	450.000.000	75.000.000
Ông Đặng Văn Hóa	Thành viên	180.000.000	30.000.000
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên	180.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Hữu Quốc	Thành viên độc lập	180.000.000	30.000.000
Ban kiểm soát			
Ông Đồng Hải Hà	Trưởng ban	378.000.000	364.500.000
Ông Nguyễn Viết Cương	Phó ban	70.344.000	63.816.000
Ông Hoàng Quốc Trung	Thành viên	70.344.000	11.724.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc	473.820.000	825.700.000
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó tổng giám đốc	262.000.000	906.760.000
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó tổng giám đốc	386.340.000	1.033.223.128
Bà Phạm Thị Mai Phương	Phó tổng giám đốc	401.923.636	
Ông Đặng Đình Quyết	Phó tổng giám đốc	457.600.000	457.660.000
Ông Phạm Lê Quang	Phó tổng giám đốc	817.100.000	817.360.000
Ông Tan Bo Quan Andy	Tổng Giám đốc	525.480.000	
Ông Nguyễn Trung Kiên	Phó tổng giám đốc	192.380.952	
Ông Hoàng Trung Thành	Phó tổng giám đốc	-	154.740.000
		5.655.332.588	**4.905.483.128**

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

	30.09.2026 VND	31.12.2025 Trình bày lại VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	13.287.578.000	9.906.078.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	7.683.500.000	5.635.000.000
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	7.533.500.000	5.485.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	-	5.652.742.389
Công Ty Cổ Phần BCG - SP Greensky	5.811.659.680	2.716.989.480
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	-	269.193.589
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	-	269.193.589
Công Ty TNHH BGE O&M	200.880.000	-
	34.517.117.680	**29.934.197.047**
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	22.297.321.536	22.042.271.536
Công Ty Taxi Việt Nam	100.000.000	100.000.000
	22.397.321.536	**22.142.271.536**
iii) Phải thu ngắn hạn khác		
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	39.959.440.985	39.959.440.985
Ông Đặng Đình Quyết	61.134.262.674	35.628.917.416
Ông Phạm Lê Quang	876.079.991	832.992.845
	101.969.783.650	**76.421.351.246**
iv) Phải trả ngắn hạn khác		
Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Xây Dựng Tracodi	4.137.231.371	4.137.231.371
Công Ty TNHH Tulip Solar	2.649.905.301	2.649.905.301
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	6.649.630.140	4.190.356.169
Ông Đặng Đình Quyết	8.619.679	8.619.679
	13.445.386.491	**10.986.112.520**

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

	30.09.2026 VND	31.12.2025 Trình bày lại VND
v) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	294.572.469.109	2.085.383.927.934
Công Ty CP Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	1.058.350.609.511	1.092.580.130.707
Công Ty Cổ Phần TSN Hòn Đất	302.142.000.000	302.142.000.000
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	395.976.307.952	392.393.800.004
Công Ty Cổ Phần TSN Huế	115.257.326.024	115.257.326.024
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 2	1.709.798.078	1.653.320.737
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 3	1.047.924.467	987.475.537
Công Ty Cổ Phần Phát triển Nguyễn Hoàng	759.632.870	719.243.831
Công Ty TNHH Skylight Power	57.168.742	57.168.742
	2.169.873.236.753	**3.991.174.393.516**
vi) Đầu tư ngắn hạn khác		
Công Ty Cổ Phần Điện Gió BCG Khai Long 1	1.659.813.855.067	-
Công Ty CP Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	628.883.000.000	633.683.000.000
	2.288.696.855.067	**633.683.000.000**
vii) Phải trả người bán ngắn hạn		
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Tracodi	136.833.764.603	137.833.764.603
Công Ty TNHH BGE O&M	45.854.370.960	21.245.857.679
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Bamboo Capital	4.982.000.000	4.641.800.000
Tổng Công Ty Cổ Phần Bảo Hiểm AAA	480.025.787	-
Công Ty Cổ Phần BCG Land	216.000.000	216.000.000
Công Ty Taxi Việt Nam	12.995.640	12.995.640
Ông Phạm Lê Quang	-	3.638.160
	188.379.156.990	**163.954.056.082**
viii) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công Ty CP Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	376.777.823	-
Công Ty Cổ Phần TSN Long An	473.225.644	-
	850.003.467	**-**
ix) Phải trả người bán dài hạn		
Công Ty Cổ Phần Tập đoàn Xây Dựng Tracodi	315.236.163.767	315.236.163.767

33 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	30.9.2026 VND	31.12.2025 VND
Dưới 1 năm	6.712.558.769	6.730.652.404
Từ 1 đến 5 năm	21.458.078.400	24.115.510.218
Trên 5 năm	86.613.506.043	86.935.870.408
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	**114.784.143.212**	**117.782.033.030**

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	30.9.2026 VND	31.12.2025 VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	4.308.559.437.259	4.276.942.989.315

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh bán điện chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động mua bán điện là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

35 NỢ TIỀM TÀNG

Công ty đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án điện mặt trời và điện gió của Công ty. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án điện mặt trời và điện gió là chưa chắc chắn.

Theo Điều 77 và 78 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường ("Nghị định") do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022, Công ty có trách nhiệm tái chế tấm quang năng sử dụng trong các dự án điện mặt trời khi hết thời hạn sử dụng. Theo hướng dẫn của Nghị định, việc tái chế có thể theo các hình thức là tự thực hiện tái chế, thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế, ủy quyền cho tổ chức trung gian, hoặc có thể kết hợp các hình thức này. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa xác định được phương thức tái chế cũng như tính toán chi phí cho việc tái chế do Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể.

36 VẤN ĐỀ KHÁC

Trong năm tài chính, thông qua quá trình tự rà soát và cập nhật thông tin, Công ty có ghi nhận một số thông tin (chưa được các ngân hàng, tổ chức tín dụng gửi thông báo/xác nhận chính thức) liên quan đến việc thực hiện chào bán, đấu giá tài sản tại một số đơn vị thành viên, cụ thể như sau:

- Ngày 30/03/2025, Ngân hàng TMCP Nam Á có phát hành thông báo chào bán tài sản số 84F/2025/TB-AMC liên quan đến chào bán tài sản bảo đảm là toàn bộ cổ phần do Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hoá (Công ty con) phát hành (số lượng cổ phần chào bán là 12.000.000 cổ phần).
- Ngày 29/08/2025, Ngân hàng TMCP Nam Á có phát hành thông báo kết quả chào bán tài sản số 1142/2025/TB-AMC liên quan đến tài sản bảo đảm là Quyền và lợi ích phát sinh từ việc kinh doanh khai thác dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1. Bao gồm nhưng không giới hạn: (i) Quyền kinh doanh, khai thác, phát triển dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1; (ii) Toàn bộ nguồn thu cùng với tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ và/hoặc có liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1; (iii) Toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác hiện có hoặc hình thành trong tương lai bất kể phát sinh từ dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1.

  Ngày 04/12/2025, Công ty Đấu giá Hợp danh Cao Nguyên có phát hành thông báo số 1012.02/2025/TBĐG-CAONGUYEN về thông báo đấu giá tài sản là cổ phần/cổ phiếu thuộc sở hữu của Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1 do Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 2 phát hành (Số lượng cổ phần/cổ phiếu đấu giá là 29.700.000 cổ phần). Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính này, Công ty đang có khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với số dư gốc phải thu 1.659.813.855.067 đồng vào dự án Khai Long 1, số dư phải thu và cho vay là 307.860.047.109 đồng; Công ty đang có số dư phải thu và cho vay là 9.393.298.078 đồng với Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2;

  Công ty chưa có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy mức độ ảnh hưởng cụ thể. Tuy nhiên, trong trường hợp giá trị thu hồi thấp hơn giá trị ghi sổ, Công ty có khả năng phải trích lập dự phòng các khoản phải thu cho một phần hoặc toàn bộ số dư nêu trên là 1.977.067.200.254 đồng.

Các bộ phận liên quan chỉ được tiếp cận thông tin dựa trên tin tức công khai và đã báo cáo đầy đủ các thông tin nêu trên cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát trên nguyên tắc kế toán thận trọng, tuân thủ các chuẩn mực, quy định hiện hành để ra quyết định. Với vai trò là cấp quản lý điều hành làm việc trực tiếp với đối tác, có đầy đủ thông tin và nắm bắt bản chất tình hình thực tế của các giao dịch, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát có những đánh giá cụ thể, chi tiết như sau:

- Các thông báo chào bán, kết quả đấu giá tài sản bảo đảm nêu trên là hành vi đơn phương của tổ chức tín dụng theo quy trình xử lý nợ. Tính đến ngày lập báo cáo tài chính, chưa phát sinh quyết định thi hành cưỡng chế, bản án có hiệu lực pháp luật, hay giao dịch chuyển nhượng hoàn tất dẫn đến việc Công ty mất quyền sở hữu hoặc kiểm soát đối với các tài sản, khoản đầu tư liên quan;
- Công ty vẫn đang nắm giữ quyền biểu quyết tại các đơn vị thành viên theo quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành;
- Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát đã và đang phối hợp, trao đổi với các tổ chức tín dụng và các bên liên quan để tìm hiểu về hiện trạng và phương án xử lý phù hợp, tuân thủ quy định pháp luật hiện hành;

- Về tính chất pháp lý của các tài sản bảo đảm liên quan đến dự án Nhà máy Điện gió Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1 theo thông báo của ngân hàng:
  + Quyền kinh doanh khai thác dự án gắn liền với Giấy phép hoạt động điện lực: Đây không phải là tài sản có thể tự do chuyển nhượng. Quyền này gắn liền với Giấy phép do Bộ Công Thương cấp cho pháp nhân cụ thể (công ty dự án). Việc chuyển giao quyền khai thác cho bên thứ ba đòi hỏi phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện thay đổi giấy phép, và trong nhiều trường hợp cần sự đồng ý của EVN theo Hợp đồng mua bán điện (PPA).
  + Nguồn thu gắn liền với Hợp đồng mua bán điện (PPA): Toàn bộ nguồn thu từ dự án phát sinh từ PPA ký giữa công ty dự án và EVN. PPA là hợp đồng song phương, do đó việc chuyển nhượng quyền hưởng nguồn thu cho bên thứ ba cần có sự chấp thuận của bên mua điện (EVN). Đây không phải là quyền mà tổ chức tín dụng có thể đơn phương chuyển giao.
  + Máy móc, thiết bị và động sản của dự án: Đây là bộ phận cấu thành hệ thống vận hành của nhà máy điện gió, chính hệ thống này tạo ra nguồn thu đang là tài sản bảo đảm. Tại ngày lập báo cáo tài chính, chưa phát sinh việc thu giữ, kê biên, hay bàn giao thực tế bất kỳ tài sản nào; toàn bộ máy móc thiết bị vẫn do công ty dự án chiếm hữu và sử dụng.

Trên cơ sở các thông tin và bằng chứng hiện có tại ngày lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát đánh giá rằng chưa có đủ cơ sở đáng tin cậy để kết luận các khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 6) đã bị suy giảm giá trị không thể phục hồi, hoặc các khoản phải thu liên quan (Thuyết minh 4, 7) không còn khả năng thu hồi. Do đó, Công ty không ghi nhận trích lập dự phòng bổ sung đối với các khoản mục này tại ngày lập báo cáo tài chính. Tuy nhiên Công ty vẫn xác nhận các khoản mục này có rủi ro và cần theo dõi.

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty cam kết tiếp tục theo dõi sát diễn biến, đánh giá lại tác động khi có thông tin hoặc sự kiện mới phát sinh, và sẽ điều chỉnh việc trình bày báo cáo tài chính nếu cần thiết theo quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành.

Từ các cơ sở nêu trên, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát có cơ sở chắc chắn để đánh giá rằng báo cáo tài chính đã trích lập dự phòng đầy đủ và trình bày thông tin một cách trung thực, hợp lý cho các khoản phải thu và đầu tư tài chính liên quan, tuân thủ các quy định chuẩn mực kế toán hiện hành tại ngày lập báo cáo tài chính.

37 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2025 và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty đã phân loại lại phù hợp với quy định tại Thông tư 99/2025/TT-BTC liên quan đến trình bày báo cáo tài chính. Dưới đây là bảng so sánh số liệu đã trình bày trước đây và số trình bày lại:

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

		31.12.2025 Trình bày lại VND	31.12.2025 VND
Tiền và tương đương tiền	**110**	**76.797.478.620**	**205.626.773.015**
Tiền	111	72.797.478.620	72.801.715.029
Các khoản tương đương tiền	112	4.000.000.000	132.825.057.986
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5.079.233.693.068**	**22.980.002.315**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.909.005.177.043	22.980.002.315
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	(463.454.483.975)	-
Đầu tư ngắn hạn khác	125	633.683.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**2.541.871.511.096**	**7.598.125.201.849**
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	488.261.978.349
Phải thu ngắn hạn khác	135	855.420.216.765	5.886.866.413.144
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	(15.201.562.182)	(478.656.046.157)
Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**23.591.602.194**	**105.059.799.454**
Phải thu dài hạn khác	215	11.960.649.450	93.428.846.710
Đầu tư tài chính dài hạn	**260**	**452.764.101.531**	**371.295.904.271**
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	127.000.000.000	81.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265	35.468.197.260	-
Tài sản dài hạn khác	270	**243.510.687.682**	**114.681.393.287**
Tài sản dài hạn khác	274	128.829.294.395	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	35.025.651.516	-
Phải trả dài hạn khác	338	-	856.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.012.469.196.604	4.156.469.196.604

Nguyễn Thị Thùy Dung Người lập	Trần Thị Thủy Kế toán trưởng	Tan Bo Quan, Andy Người đại diện theo pháp luật Ngày 30 tháng 10 năm 2026